

Số: /QĐ-BVHTTDL Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ khung Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 1823/QĐ-BVHTTDL ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt “Đề án tổ chức Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022”;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ khung Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc Bộ VHTTDL;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc Tổng cục TDTT;
- Sở VHTTDL, VHNT, VHTTTTDL các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia;
- Lưu: VT, TCTDTT, Phương.120.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hoàng Đạo Cường

ĐIỀU LỆ

ĐẠI HỘI THỂ THAO TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của thể dục thể thao nói chung và thể thao thành tích cao nói riêng trong tình hình mới, qua đó tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, tạo bước phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao và nâng cao thành tích các môn thể thao.

2. Thông qua quá trình chuẩn bị lực lượng vận động viên tham dự Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 (sau đây viết tắt là Đại hội), khuyến khích các địa phương tích cực đào tạo vận động viên tài năng, chuẩn bị lực lượng tham dự SEA Games lần thứ 32 năm 2023, Olympic 2024 và các Đại hội, giải thể thao quốc tế khác.

3. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị thể dục thể thao, nâng cao trình độ tổ chức, điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, trọng tài sẵn sàng tổ chức thành công các Đại hội thể thao quốc tế tại Việt Nam.

4. Góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

5. Căn cứ kết quả của Đại hội, đánh giá lực lượng, trình độ phát triển thể thao thành tích cao của các ngành và địa phương trong cả nước giai đoạn 2018 - 2022, làm tiền đề xây dựng kế hoạch phát triển Thể thao thành tích cao những năm tiếp theo.

Điều 2. Yêu cầu

1. Đại hội phải được tổ chức trang trọng, an toàn và tiết kiệm, đảm bảo các yêu cầu về y tế, để phòng chống dịch bệnh COVID-19 hiệu quả; tích cực huy động các nguồn lực xã hội đóng góp vào việc tổ chức thành công Đại hội.

2. Các tập thể và cá nhân tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đại hội, Luật và Điều lệ thi đấu của từng môn thể thao. Các vận động viên tham dự thi đấu với tinh thần đoàn kết, trung thực, cao thượng, phấn đấu giành thành tích cao nhất.

3. Điều hành thi đấu công bằng, chính xác theo đúng Luật thi đấu và Điều lệ Đại hội; chống mọi hành vi tiêu cực, bạo lực trong thi đấu.

4. Khai thác sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất của SEA Games 31.

5. Nâng cao vai trò của các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia trong việc tổ chức thi đấu các môn thể thao tại Đại hội.

Điều 3. Biểu tượng Đại hội

Biểu tượng của Đại hội có hình tròn; vành ngoài phía trên có hàng chữ “Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX”, phía dưới có 2 bông lúa vàng; phía trong của biểu tượng có 3 đường chạy bắt chéo nhau thành hình chữ V màu đỏ, phía trên là ngôi sao vàng, phía dưới là số 2022.

Điều 4. Đối tượng và điều kiện tham dự

1. Đoàn thể thao tham dự Đại hội:

1.1. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các ngành Quân đội, Công an được thành lập một đoàn thể thao mang tên địa phương, ngành mình tham dự Đại hội (sau đây gọi tắt là đoàn thể thao).

1.2. Thành phần của đoàn thể thao gồm có: Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, cán bộ, lãnh đội, huấn luyện viên, chuyên gia, bác sỹ và các vận động viên.

1.3. Mỗi vận động viên hoặc đội thể thao (đối với các môn tập thể) chỉ được đăng ký thi đấu cho một đoàn thể thao.

1.4. Số lượng huấn luyện viên, vận động viên và các thành viên khác được đăng ký theo quy định tại Điều lệ thi đấu của từng môn thể thao.

2. Chỉ có các địa phương, ngành đã từng tham gia thi đấu trong hệ thống quốc gia giai đoạn từ 2014 - 2021 của một môn thể thao mới được phép đăng ký tham dự môn thể thao đó tại Đại hội (trừ các môn thể thao mới đưa vào chương trình thi đấu tại Đại hội).

3. Vận động viên:

3.1. Vận động viên tham dự Đại hội phải là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không trong thời gian bị Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia, quốc tế hoặc bị cơ quan quản lý, sử dụng vận động viên kỷ luật cấm thi đấu.

3.2. Mỗi vận động viên chỉ được đăng ký thi đấu ở một môn thể thao.

3.3. Vận động viên được quyền đăng ký thi đấu cho địa phương, ngành khi có một trong các điều kiện sau:

- Có hợp đồng sử dụng vận động viên hoặc hợp đồng chuyển nhượng vận động viên hợp pháp được ký kết trước ngày 01/9/2022 (01 bản sao có công chứng của Hợp đồng này phải được gửi kèm theo Đăng ký chính thức cho Ban Tổ chức Đại hội). Đối với các môn mà Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao quốc gia đã ban hành Quy chế chuyển nhượng thực hiện theo Quy chế chuyển nhượng vận động viên.

- Có hộ khẩu thường trú, Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân xác nhận nơi cư trú của vận động viên.

- Có giấy xác nhận là vận động viên của ngành do Cục Quân huấn, Bộ Quốc phòng hoặc Tổng cục Chính trị Công an nhân dân, Bộ Công an cấp.

3.4. Trường hợp vận động viên không có hộ khẩu thường trú tại địa phương, không có giấy xác nhận của ngành hoặc khi xảy ra tranh chấp vận động viên giữa các đoàn thì Ban Tổ chức Đại hội sẽ căn cứ vào hợp đồng sử dụng vận động viên hoặc hợp đồng chuyển nhượng vận động viên để xem xét, giải quyết.

4. Tiêu chí phòng, chống dịch COVID-19:

Các thành viên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng chống COVID-19 theo quy định.

Điều 5. Thời gian và địa điểm thi đấu

1. Thời gian: Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 được tổ chức từ ngày 09/12/2022 đến ngày 21/12/2022.

- Ngày khai mạc: 09 tháng 12 năm 2022

- Ngày bế mạc: 21 tháng 12 năm 2022

2. Địa điểm: Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 được tổ chức tại Quảng Ninh, Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hòa Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa và Vĩnh Phúc, trong đó, Quảng Ninh là địa điểm đăng cai chính của Đại hội (Phụ lục kèm theo).

Điều 6. Đăng ký thi đấu

1. Thời gian đăng ký:

1.1. Đăng ký sơ bộ trước ngày 15 tháng 9 năm 2022.

1.2. Đăng ký chính thức trước ngày 01 tháng 11 năm 2022.

2. Hồ sơ đăng ký tham dự:

2.1. Đối với đăng ký sơ bộ: Theo quy định tại Điều lệ thi đấu của từng môn thể thao.

2.2. Đối với đăng ký chính thức:

- Danh sách đoàn, đội thể thao của địa phương, ngành do Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lãnh đạo Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Lãnh đạo Cục Quân huấn, Bộ Quốc phòng, Lãnh đạo Cục Công tác Đảng và Công tác chính trị, Bộ Công an ký, đóng dấu.

- Danh sách đăng ký vận động viên cho từng môn thi, ghi đầy đủ các nội dung theo quy định của từng môn, kèm theo:

+ Bản sao chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc giấy khai sinh (trong trường hợp chưa đủ tuổi được cấp hai loại giấy tờ trên) có công chứng.

+ Bản sao hợp đồng sử dụng hoặc hợp đồng chuyển nhượng có công chứng.

+ Giấy khám sức khỏe do bệnh viện cấp tỉnh (đối với các đoàn thể thao tỉnh, thành phố) hoặc bệnh viện của ngành (đối với ngành Quân đội, Công an) cấp trong thời hạn không quá 60 ngày tính đến ngày tổ chức môn thi.

+ 02 ảnh màu nền trắng cỡ 4x6cm.

3. Nơi nhận đăng ký:

Thường trực Ban Tổ chức Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022, Tổng cục Thể dục thể thao, số 36 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

Điều 7. Kinh phí tổ chức và tham dự

1. Các tỉnh/thành, ngành chi toàn bộ kinh phí tham dự Đại hội cho Đoàn thể thao của địa phương, đơn vị mình.

2. Tổng cục Thể dục thể thao, địa phương đăng cai thi đấu chi kinh phí tổ chức từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác (Bản quyền truyền hình, tài trợ, bán vé...).

3. Địa phương đăng cai tổ chức các môn thể thao trong chương trình Đại hội có sử dụng ngân sách nhà nước từ Tổng cục Thể dục thể thao, lập dự toán thu, chi tổ chức các cuộc thi đấu, trình Tổng cục Thể dục thể thao xem xét, quyết định.

Chương II NỘI DUNG THI ĐẤU VÀ XẾP HẠNG

Điều 8. Số môn thi và nội dung thi đấu

Đại hội tổ chức 43 môn với 941 nội dung (Phụ lục kèm theo).

Điều 9. Thể thức và điều kiện tổ chức thi đấu

1. Tính chất các cuộc thi đấu: Thi đấu cá nhân, đồng đội và tập thể.

2. Mỗi nội dung thi đấu chỉ tổ chức khi có tối thiểu 04 vận động viên hoặc 04 đội của 04 đoàn thể thao trở lên đăng ký tham dự (đối với môn Thể dục dụng cụ, mỗi nội dung thi đấu chỉ tổ chức khi có tối thiểu 04 vận động viên hoặc 04 đội của 03 đoàn thể thao trở lên đăng ký tham dự).

Điều 10. Đánh giá kết quả

1. Ban Tổ chức sẽ căn cứ vào số huy chương vàng, bạc, đồng đạt được của các địa phương, ngành để xếp hạng toàn đoàn.

Đoàn xếp hạng cao nhất là đoàn có số lượng huy chương vàng nhiều nhất. Trường hợp có số huy chương vàng bằng nhau thì xét tổng số huy chương bạc; nếu số huy chương vàng và huy chương bạc bằng nhau thì xét tổng số huy chương đồng. Trường hợp các địa phương, đơn vị có số lượng huy chương vàng, bạc và đồng bằng nhau thì xếp đồng hạng.

2. Ban Tổ chức sẽ đánh giá kết quả thi đấu tương tự như cách xếp hạng chung của Đại hội đối với 19 tỉnh miền núi gồm: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Yên Bái, Lào Cai, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hà Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng và Kon Tum.

Chương III

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 11. Khen thưởng

1. Tặng cờ của Ban Tổ chức Đại hội cho 10 đoàn xếp hạng từ thứ 01 đến thứ 10 và tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho các đoàn thể thao xếp hạng từ thứ 11 đến thứ 20 tại Đại hội.

2. Tặng cờ của Ban Tổ chức Đại hội cho 05 đoàn xếp hạng từ thứ 01 đến thứ 05 và tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho các đoàn thể thao xếp hạng từ thứ 06 đến thứ 10 tại Đại hội đối với 19 tỉnh miền núi.

3. Tặng huy chương vàng, bạc, đồng cho các cá nhân, đồng đội, tập thể đạt thành tích cao theo quy định của Điều lệ thi đấu từng môn thể thao.

4. Tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho các cán bộ, trọng tài có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

5. Các vận động viên giành thứ hạng cao tại mỗi nội dung thi đấu sẽ được phong đẳng cấp theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-

BVHTTDL ngày 22/07/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao.

Điều 12. Kỷ luật

Các tập thể, cá nhân vi phạm Điều lệ Đại hội, Luật hoặc Điều lệ các môn thi khi tham dự thi đấu sẽ bị kỷ luật theo quy định của Đại hội.

Điều 13. Giải quyết khiếu nại

1. Trưởng đoàn, huấn luyện viên trưởng có quyền khiếu nại và phải nộp đơn khiếu nại kèm theo lệ phí 1.000.000 đồng/lượt cho Ban Tổ chức môn thi.

2. Ban Tổ chức môn thi phải xem xét, giải quyết các khiếu nại trong thời gian quy định của Luật và Điều lệ thi đấu môn thể thao và phải gửi văn bản trả lời cho các đơn vị có liên quan, đồng thời báo cáo lên Ban Tổ chức Đại hội. Các tập thể, cá nhân có liên quan phải tuân thủ các quyết định của Ban Tổ chức môn thi. Trường hợp quyết định giải quyết của Ban Tổ chức môn thi chưa thỏa đáng, các đơn vị có quyền khiếu nại lên Ban Tổ chức Đại hội. Quyết định của Ban Tổ chức Đại hội là quyết định cuối cùng.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần phản ánh kịp thời đến Ban Tổ chức Đại hội xem xét, trình Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định./.

Phụ lục
NỘI DUNG VÀ ĐỊA ĐIỂM THI ĐẤU CỦA CÁC MÔN TRONG CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI THỂ THAO TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

| TT | Môn | Phân môn | Số lượng nội dung | Nội dung cụ thể | Địa điểm tổ chức |
|----|--------------|----------|-------------------|---|---|
| 1 | Điền kinh | | 50 | Nam: 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 5000m, 10.000m, 110m rào, 400m rào, 3000m CNV, Tiếp sức 4x100m, Tiếp sức 4x400m, Tiếp sức 4x800m, đi bộ 20km, Marathon, Nhảy cao, Nhảy xa, Nhảy 3 bước, Nhảy sào, Đẩy tạ, Ném lao, Ném đĩa, Ném búa, 10 môn Phối hợp. Nữ: 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 5000m, 10.000m, 100m rào, 400m rào, 3000m CNV, Tiếp sức 4x100m, Tiếp sức 4x400m, Tiếp sức 4x800m, đi bộ 20km, Marathon, Nhảy cao, Nhảy xa, Nhảy 3 bước, Nhảy sào, Đẩy tạ, Ném lao, Ném đĩa, Ném búa, 7 môn Phối hợp Hỗn hợp: Tiếp sức 4x100m hỗn hợp Nam-Nữ; Tiếp sức 4x400m hỗn hợp Nam-Nữ. | Sân vận động quốc gia Mỹ Đình, Khu Liên hợp thể thao quốc gia |
| 2 | TT dưới nước | Bơi | 43 | Nam, Nữ: Tự do: 50m; 100m; 200m; 400m; 800m; 1500m. Bướm: 50m; 100m; 200m. Ngựa: 50m; 100m; 200m. Éch: 50m; 100m; 200m. Hỗn hợp: 200m; 400m. Tiếp sức tự do: 4x100m; 4x200m. Tiếp sức hỗn hợp 4x100m. Tiếp sức phối hợp nam - nữ: Tự do 4x100m; 4x200m. Hỗn hợp 4x100m. | Cung Thể thao dưới nước, Khu Liên hợp thể thao quốc gia |
| | | Nhảy cầu | 13 | Nam, Nữ: Cầu mềm: đơn 1m; đơn 3m; đôi 3m mềm. Cầu cứng: đơn; đôi Đôi Nam-Nữ phối hợp: cầu cứng; cầu mềm 3 m. Đồng đội. | Trung tâm Thể thao tỉnh Quảng Ninh |

| | | | | | |
|---|------------|--------------------|----|---|---|
| 3 | Lặn | | 30 | Nam, Nữ: Khí tài: 100m; 400m; 800m. Chân vịt đôi: 50m; 100m; 200m; 400m. Tiếp sức vòi hơi chân vịt: 4 x 100m; 4 x 200m. Lặn vòi hơi chân vịt: 50m; 100m; 200m; 400m; 800m (cho nữ); 1500m (cho nam). Tiếp sức nam nữ phối hợp (Mix): Vòi hơi chân vịt: 4 x 50m; chân vịt đôi 4 x 50m. | Cung Thể thao dưới nước, Khu Liên hợp thể thao quốc gia |
| 4 | Thể dục | Thể dục dụng cụ | 14 | Nam: Đồng đội, Toàn năng, Thể dục tự do, Ngựa vòng, Vòng treo, Nhảy chống, Xà kép và Xà đơn. Nữ: Đồng đội, Toàn năng, Nhảy chống, Xà lệch, Cầu thăng bằng và Thể dục tự do. | Hải Phòng |
| | | Thể dục nghệ thuật | 8 | Cá nhân: Toàn năng, Vòng, Bóng, Chùy, Lụa. Bài nhóm 5 người: Toàn năng, Dụng cụ đơn, Dụng cụ hỗn hợp. | |
| | | Thể dục Aerobic | 10 | IM Senior, IW Senior, MP Senior, TR Senior, GR Senior, AS Senior, AD Senior, GR Junior, AS Junior, AD Junior. | |
| 5 | Đua thuyền | Rowing | 20 | Nam: LM1x; M1x; M2-; LM2x; M2x; LM2-; M4-; M4X; LM4X; LM4- Nữ: LW1x; W1x; W2-; LW2x; W2x; LW2-; W4-; W4X; LW4X, LW4- | Hải Phòng |
| | | Canoeing | 36 | Nam 200m: K1; K2; K4; C1; C2, C4. Nam 500m: K1; K2; K4; C1; C2; C4. Nam 1.000m: K1; K2; K4; C1; C2; C4. Nữ 200m: K1; K2; K4; C1; C2; C4. Nữ 500m: K1; K2; K4; C1; C2; C4. Nữ 1.000m: K1; K2; K4; C1; C2; C4. | |
| 6 | Bóng đá | Bóng đá nam | 1 | | Sân vận động Cẩm Phả, Quảng Ninh |
| | | Bóng đá nữ | 1 | | Sân vận động Cửa Ông, Quảng Ninh |
| | | Futsal nam | 1 | | Hà Nội |

| | | | | | |
|---|----------|-------------|----|--|---|
| 7 | Vật | Vật tự do | 22 | Nam: 50 - 53kg; 57kg; 61kg; 65kg; 70kg; 74kg; 79kg; 86kg; 92kg; 97kg; 125kg. Nữ: 44 - 46kg; 50kg; 53kg; 55kg; 57kg; 59kg; 62kg; 65kg; 68kg; 72kg; 76kg. | Hà Nội |
| | | Vật cổ điển | 11 | 48 - 50kg; 55kg; 60kg; 63kg; 67kg; 72kg; 77kg; 82kg; 87kg; 97kg; 130kg. | |
| | | Vật dân tộc | 12 | Nam: Đến 51kg, trên 51 đến 54kg, trên 54 đến 57kg, trên 57 đến 60kg, trên 60 đến 63kg, trên 63 đến 66kg, trên 66 đến 69kg, trên 69 đến 72kg, trên 72 đến 75kg, trên 75 đến 78kg, trên 78 đến 81kg, trên 81 đến 84kg | Bắc Giang |
| 8 | Bắn súng | Súng ngắn | 15 | Cá nhân và đồng đội: 50m súng ngắn nam; 10m súng ngắn hơi nam; 25m súng ngắn bắn nhanh nam; 25m súng ngắn tiêu chuẩn nam; 25m súng ngắn ổ quay nam; 10m súng ngắn hơi nữ; 25m súng ngắn thể thao nữ; Nội dung phối hợp: 10m súng ngắn hơi hỗn hợp đồng đội | Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội |
| | | Súng trường | 21 | Cá nhân và đồng đội: 50m súng trường nằm nam; 50m súng trường 3 tư thế nam; 10m súng trường hơi nam; 10m súng trường hơi di động tiêu chuẩn nam; 10m súng trường hơi di động hỗn hợp nam; 50m súng trường nằm nữ; 50m súng trường 3 tư thế nữ; 10m súng trường hơi nữ; 10m súng trường hơi di động tiêu chuẩn nữ; 10m súng trường hơi di động hỗn hợp nữ; Nội dung phối hợp: 10m súng trường hơi hỗn hợp đồng đội | |
| | | Đĩa bay | 14 | Cá nhân và đồng đội: Trap nam; Double Trap nam; Skeet nam; Trap nữ; Double Trap nữ; Skeet nữ; Nội dung phối hợp: Trap hỗn hợp đồng đội; Skeet hỗn hợp đồng đội | |

| | | | | |
|----|-----------|----|---|--|
| 9 | Bắn cung | 30 | <p>Cung 1 dây nam: Toàn năng, Cự ly 90 mét, Cự ly 70 mét, Cự ly 50 mét, Cự ly 30 mét nam, Cá nhân nam, Đồng đội nam</p> <p>Cung 1 dây nữ: Toàn năng, Cự ly 70 mét, Cự ly 60 mét, Cự ly 50 mét, Cự ly 30 mét nam, Cá nhân nữ, Đồng đội nữ</p> <p>Cung 3 dây nam: Toàn năng, Cự ly 90 mét, Cự ly 70 mét, Cự ly 50 mét, Cự ly 30 mét, Cá nhân nam, Đồng đội nam</p> <p>Cung 3 dây nữ: Toàn năng, Cự ly 70 mét, Cự ly 60 mét, Cự ly 50 mét, Cự ly 30 mét, Cá nhân nữ, Đồng đội nữ</p> <p>Đôi nam, nữ phối hợp cung 1 dây, Đôi nam, nữ phối hợp cung 3 dây</p> | <p>Trường Bắn cung, Trung tâm Thể thao tỉnh Quảng Ninh</p> |
| 10 | Cử tạ | 60 | <p>Nam Cử giật, Cử đẩy, Tổng cử các hạng cân: 55kg; 61kg; 67kg; 73kg; 81kg; 89kg; 96kg; 102kg; 109kg; +109kg.</p> <p>Nữ Cử giật, Cử đẩy, Tổng cử các hạng cân: 45kg; 49kg; 55kg; 59kg; 64kg; 71kg; 76kg; 81kg; 87kg; +87kg</p> | <p>Thanh Hóa</p> |
| 11 | Judo | 27 | <p>Nam: -50kg, -55kg; -60kg; -66kg; -73kg; -81kg; -90kg; -100kg; +100kg.</p> <p>Nữ: -42kg, -45kg; -48kg; -52kg; -57kg; -63kg; -70kg; -78kg; +78kg.</p> <p>Đồng đội nam nhỏ, nam lớn, nữ nhỏ, nữ lớn.</p> <p>Quyền: Nage No Kata, Juno Kata, Kime No Kata, Katame No Kata, Kodokan Goshin Jutsu.</p> | <p>Hà Nội</p> |
| 12 | Taekwondo | 23 | <p>a. Đối kháng cá nhân: Nữ: Không quá 46kg, 49kg, 53kg, 57kg, 62kg, 67kg, 73kg và trên 73kg Nam: Không quá 54kg, 58kg, 63kg, 68kg, 74kg, 80kg, 87kg và trên 87kg</p> <p>b. Thi đấu đối kháng đồng đội: Đồng đội nữ: Không quá 318kg/5VĐV Đồng đội nam: Không quá 373kg/5VĐV</p> <p>c. Thi đấu quyền: Cá nhân nam, nữ; đồng đội nam, nữ; đôi nam-nữ:</p> | <p>Nhà thi đấu TDTT thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh</p> |

| | | | | |
|----|------------|----|--|-----------------------------|
| 13 | Karate | 25 | <p>Kata cá nhân nam, nữ; Kata đồng đội nam, nữ; Kata đồng đội hỗn hợp nam, nữ. Kumite đồng đội nam nhóm 1, nhóm 2 Kumite đồng đội nữ nhóm 1, nhóm 2 Kumite Nam: -50kg; -55kg; -60kg; -67kg; -71kg; -75kg; -80kg; -84kg; +84kg Kumite Nữ: -44kg; -47kg; -50kg; -55kg; -61kg; -68kg; +68kg</p> | Nhà thi đấu tỉnh Ninh Bình |
| 14 | Wushu | 46 | <p>Taolu: Các nội dung thi đấu cho nam và nữ: Trường quyền; Dao thuật; Kiếm thuật; Côn thuật; Thương thuật; Nam quyền; Nam đao; Nam côn; Thái cực quyền; Thái cực kiếm; Thái cực quyền Dương gia; Thái cực kiếm Dương gia; Thái cực quyền Trần gia; Thái cực kiếm Trần gia; Đối luyện nam. Sanda: Nam: 48kg, 52kg, 56kg, 60kg, 65kg, 70kg, 75kg, 80kg, 85kg. Nữ: 45kg, 48kg, 52kg, 56kg, 60kg, 65kg, 70kg, 75kg.</p> | Trường TDTT tỉnh Quảng Ninh |
| 15 | Boxing | 27 | <p>Nam: Trên 44kg đến 46kg, trên 46kg đến 48kg, trên 48kg đến 51kg, trên 51kg đến 54kg, trên 54kg đến 57kg, trên 57kg đến 60kg, trên 60kg đến 63.5kg, trên 63.5kg đến 67kg, trên 67kg đến 71kg, trên 71kg đến 75kg, trên 75kg đến 80kg, trên 80kg đến 86kg, trên 86kg đến 92kg, trên 92kg Nữ: Trên 42kg đến 45kg, trên 45kg đến 48kg, trên 48kg đến 50kg, trên 50kg đến 52kg, trên 52kg đến 54kg, trên 54kg đến 57kg, trên 57kg đến 60kg, trên 60kg đến 63kg, trên 63kg đến 66kg, trên 66kg đến 70kg, trên 70kg đến 75kg, trên 75kg đến 81kg, trên 81kg.</p> | Nhà thi đấu tỉnh Bắc Ninh |
| 16 | Kickboxing | 22 | <p>Lowkick: Nam: -45kg, -48kg, -54kg, -57kg, -63.5kg và -71kg. Nữ: -46kg, -48kg, -51kg, -54kg, -57kg, -60kg và -69kg. Fullcontact: Nam: -51kg, -54kg, -60kg, -63.5kg và -67kg. Nữ: -48kg, -56kg, -60kg và -64kg.</p> | Hải Phòng |

| | | | | | |
|----|-------------|-----------------------|----|---|---|
| 17 | Đấu kiếm | | 12 | Nam, Nữ: Kiếm chém, kiếm ba cạnh, kiếm liễu. Đồng đội Nam, Nữ: Kiếm chém, kiếm ba cạnh, kiếm liễu. | Nhà thi đấu Công ty than Núi Béo, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| 18 | Cầu lông | | 7 | Nam, Nữ: Đồng đội; đơn; đôi. Đôi nam nữ. | Nhà thi đấu TDTT thị xã Đông Triều, Quảng Ninh |
| 19 | Cầu mây | | 12 | Nam, Nữ: Đồng đội bốn; Đồng đội ba; Đồng đội đôi; Đội tuyển bốn; Đội tuyển ba; Đội tuyển đôi. | Thanh Hóa |
| 20 | Quần vợt | | 7 | Nam, Nữ: Đồng đội; đơn; đôi. Đôi nam-nữ. | Tập đoàn Hanaka- Bắc Ninh |
| 21 | Bóng chuyền | Bóng chuyền trong nhà | 2 | Nam, nữ | Trung tâm Thể thao tỉnh Quảng Ninh |
| | | Bóng chuyền bãi biển | 2 | Nam, nữ | Khu Du lịch Tuần Châu, Quảng Ninh |
| 22 | Bóng rổ | Bóng rổ 5x5 | 2 | Nam, nữ | Nhà Thi đấu Công ty than Hà Lâm, Hạ Long, Quảng Ninh |
| | | Bóng rổ 3x3 | 2 | Nam, nữ | |
| 23 | Bóng ném | Bóng ném trong nhà | 2 | Nam, nữ | Nhà Thi đấu Trường Đại học TDTT Bắc Ninh |
| | | Bóng ném bãi biển | 2 | Nam, nữ | Khu Du lịch Tuần Châu, Quảng Ninh |
| 24 | Xe đạp | Địa hình | 10 | Nam: 4km cá nhân tính giờ băng đồng, 3x4km tiếp sức băng đồng, 30km cá nhân băng đồng Olympic, 30km đồng đội băng đồng Olympic, 1,5km cá nhân đồ đèo. Nữ: 4km cá nhân tính giờ băng đồng, 3x4km tiếp sức băng đồng, 40km cá nhân băng đồng Olympic, 40km đồng đội băng đồng Olympic, 1,5km cá nhân đồ đèo. | Hòa Bình |

| | | | | | |
|----|---------------------|--------------|----|--|------------|
| | | Đường trường | 16 | <p>Nam: 51km cá nhân tính điểm, 40km cá nhân tính giờ, 500m cá nhân tốc độ, 4km cá nhân tính giờ cự ly ngắn, 4km đồng đội tính giờ cự ly ngắn, 80km đồng đội tính giờ, 160km cá nhân xuất phát đồng hành, 160kg đồng đội xuất phát đồng hành.</p> <p>Nữ: 30,6km cá nhân tính điểm, 30km cá nhân tính giờ, 500m cá nhân tốc độ, 3km cá nhân tính giờ cự ly ngắn, 3km đồng đội tính giờ cự ly ngắn, 50km đồng đội tính giờ, 100km cá nhân xuất phát đồng hành, 100kg đồng đội xuất phát đồng hành.</p> | Vĩnh Phúc |
| 25 | Bóng bàn | | 7 | Nam, Nữ: Đồng đội; đơn; đôi. Đôi nam nữ. | Hải Dương |
| 26 | Billiards & Snooker | | 11 | <p>Nam: Carom 3 băng; Carom 1 băng; Snooker 6 bi đỏ; English Billiards; Pool 9-ball; Pool 10-ball. Đôi Nam: Pool 9-ball; Snooker 6 bi đỏ; English Billiards.</p> <p>Nữ: Pool 9- ball, Pool 10-ball.</p> | Hà Nội |
| 27 | Golf | | 4 | Nam, Nữ: Đồng đội; đơn. | Quảng Ninh |
| 28 | Bi sắt | | 11 | <p>Nam, Nữ: đơn; đôi; kỹ thuật; bộ ba.</p> <p>Đôi nam nữ; Bộ ba 2 nam 1 nữ; Bộ ba 2 nữ 1 nam.</p> | Hà Nội |
| 29 | Kurash | | 18 | <p>Nam: -50kg, -55kg; -60kg; -66kg; -73kg; -81kg; -90kg; -100kg; +100kg.</p> <p>Nữ: -42kg, -45kg; -48kg; -52kg; -57kg; -63kg; -70kg; -78kg; +78kg.</p> | Hà Nội |

| | | | | | |
|----|--------------|----------|----|--|---|
| 30 | Vovinam | | 24 | <p>Nội dung đối kháng: -Nam: Trên 45kg đến 50kg, trên 50 kg đến 55 kg, trên 55 kg đến 60 kg, trên 60 kg đến 65 kg , trên 65 kg đến 70 kg, trên 70 kg đến 75 kg, trên 75 kg đến 80 kg. -Nữ: Trên 45 kg đến 49 kg, trên 49 kg đến 53 kg, trên 53 kg đến 57 kg, trên 57 kg đến 61 kg, trên 61 kg đến 65 kg, trên 65 kg đến 69 kg, trên 69 kg đến 72 kg.</p> <p>Nội dung quyền: Đơn luyện tay không nữ: Viên phương quyền; Đơn luyện tay không nữ: Long hổ quyền; Đơn luyện tay không nam: Ngũ môn quyền; Đơn luyện vũ khí nam: Tứ tượng côn pháp; Song luyện tay không nữ: Song luyện 3; Song luyện vũ khí nữ: Song luyện kiếm; Song luyện tay không nam: Song luyện vật 2; Song luyện vũ khí nam: Song luyện mã tấu; Quyền đồng đội nữ: Long hổ quyền; Đòn chân tấn công nam: Mỗi vận động viên thi 4 đòn chân x 4 vận động viên.</p> | Nhà thi đấu Công ty Than Mạo Khê, Quảng Ninh |
| 31 | Cờ | Cờ vua | 16 | Cờ tiêu chuẩn: cá nhân nam, cá nhân nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam nữ; Cờ nhanh: cá nhân nam, cá nhân nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam nữ; Cờ chớp: cá nhân nam, cá nhân nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam nữ; Cờ ASEAN cá nhân | Cung Quy hoạch Hội chợ, Triễn lãm, Quảng Ninh |
| | | Cờ tướng | 8 | Cờ tiêu chuẩn: cá nhân nam, cá nhân nữ, đồng đội nam Cờ nhanh: cá nhân nam, đồng đội nam. Cờ chớp: cá nhân nam, đồng đội nam. Cờ truyền thống: đồng đội nam. | Khu du lịch Quảng Ninh Gate, thị xã Đông Triều, Quảng Ninh |
| 32 | Pencak Silat | | 23 | Nữ: Từ 45kg đến 50kg, từ 50kg đến 55kg, từ 55kg đến 60kg, từ 60kg đến 65kg, từ 65kg đến 70kg, từ 70kg đến 75kg; Nam: Từ 45kg đến 50kg, từ 50kg đến 55kg, từ 55kg đến 60kg, từ 60kg đến 65kg, từ 65kg đến 70kg, từ 70kg đến 75kg, từ 75kg đến 80kg, từ 80kg đến 85kg, từ 85kg đến 90kg, từ 90kg đến 95kg, từ 95kg đến 110kg. Seni Nam, Nữ: Tunggal, Ganda, Regu. | Nhà thi đấu Công ty than Đèo Nai, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| 33 | Muay | | 17 | Nam: 45-48kg, 48-51kg, 51-54kg, 54-57kg, 57-60kg, 60-63,5kg, 63,5kg-67kg, 67-71kg, 71-75kg, 75-81kg. Nữ: 48-51kg, 51-54kg, 54-57kg, 57-60kg, 60-63,5kg, 63,5kg-67kg, 67-71kg. | Thanh Hóa |

| | | | | |
|----|-------------------|----|---|---|
| 34 | Thể hình | 17 | Nam hạng cân đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg, đến 70kg, đến 75kg, đến 80kg, đến 85kg, đến 90kg, trên 90kg. Nữ hạng cân đến 46kg, đến 49kg, đến 52kg, trên 52kg. Fitness nữ đến 155cm, đến 160cm, đến 165cm, trên 165cm | Hải Phòng |
| 35 | Khiêu vũ thể thao | 12 | 5 điệu Standard; Waltz; Viennes Waltz; Tango; Quickstep; Slow Foxtrot. 5 điệu Latin; Chachacha; Rumba; Jive; Samba; Pasodoble. | Nhà thi đấu Công ty than Núi Béo, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| 36 | Jujitsu | 26 | Newaza – Gi: 10 hạng cân - Nữ: 45kg,48kg,57kg,63kg,+70kg - Nam: 56kg,62kg,77kg,85kg,+94kg Newaza – NoGi: 08 hạng cân - Nữ: 45kg,52kg,57kg,63kg - Nam: 56kg,62kg,69kg,+94kg Fighting: 08 hạng cân - Nữ: 48kg,57kg,63kg,+63kg - Nam: 62kg,69kg,77kg,+94kg | Nhà thi đấu Nam Định |
| 37 | Bowling | 14 | Nam: Đơn; đôi; đồng đội 3; đồng đội 4; đồng đội 5; master; toàn năng. Nữ: Đơn; đôi; đồng đội 3; đồng đội 4; đồng đội 5; master; toàn năng. | Hà Nội |
| 38 | 3 môn phối hợp | 9 | Triathlon (Sprint): Cá nhân nam, cá nhân nữ, tiếp sức hỗn hợp. Duathlon (Sprint): Cá nhân nam, cá nhân nữ, tiếp sức hỗn hợp. Aquathlon (Sprint): Cá nhân nam, cá nhân nữ, tiếp sức hỗn hợp. | Khu du lịch Tuần Châu, Quảng Ninh |
| 39 | Lân - Sư - Rồng | 7 | Nam: Mai hoa thung; Hỗn hợp: Mai hoa thung nam-nữ, Lân (Sư) leo cột không hái lộc cá nhân, Lân (Sư) leo cột không hái Lộc đồng đội, Lân (Sư) nhảy bụi, Lân địa bửu, Múa rồng chín khúc. | Quảng trường 30 tháng 10, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh |
| 40 | Đá cầu | 10 | Nam, Nữ: đơn, đôi, đội tuyển, đồng đội. Đôi nam - nữ. Đồng đội đôi nam - nữ phối hợp | Nhà thi đấu Công ty Than Dương Huy, Quảng Ninh |

| | | | | |
|----|------------------|------------|---|-----------|
| 41 | Võ Cổ truyền | 26 | <p>Đối kháng Nam: Từ 46kg đến 50kg, trên 50kg đến 55kg, trên 55kg đến 60kg, trên 60kg đến 65kg, trên 65kg đến 70kg, trên 70kg đến 75kg, trên 75kg đến 80kg, trên 80kg đến 85kg, trên 85kg đến 90kg.</p> <p>Đối kháng Nữ : Từ Trên 44kg đến 48 kg, trên 48kg đến 52kg, trên 52kg đến 56kg, trên 56kg đến 60kg, trên 60kg đến 65kg, trên 65kg đến 70kg, trên 70kg đến 75kg.</p> <p>Biểu diễn Quyền nam: Lão Mai Quyền + Siêu Xung Thiên, Ngọc Trản Quyền + Thái Sơn Côn, Hùng Kê Quyền + Song Tuyệt Kiếm, Lão Hồ Thượng Sơn + Độc Lư Thương, Phong Hoa Đào + Thanh Long Độc Kiếm.</p> <p>Biểu diễn Quyền nữ: Lão Mai Quyền + Siêu Xung Thiên, Ngọc Trản Quyền + Thái Sơn Côn, Hùng Kê Quyền + Song Tuyệt Kiếm, Lão Hồ Thượng Sơn + Độc Lư Thương, Phong Hoa Đào + Thanh Long Độc Kiếm</p> | Hải Phòng |
| 42 | Đẩy gậy | 14 | <p>Nam: Đến 54kg, trên 54 đến 57kg, trên 57 đến 60kg, trên 60 đến 63kg, trên 63 đến 66kg, trên 66 đến 69kg, trên 69 đến 72kg</p> <p>Nữ: Đến 51kg, trên 51 đến 54kg, trên 54 đến 57kg, trên 57 đến 60kg, trên 60 đến 63kg, trên 63 đến 66kg, trên 66 đến 69kg</p> | Bắc Giang |
| 43 | Kéo co | 9 | Nam: 600kg, 560kg, 520kg; Nữ: 560kg, 520kg, 480kg; Hỗn hợp: 550kg, 530kg, 510kg | Bắc Giang |
| | Tổng cộng | 941 | | |

